CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM
Date: 2026.10.27 17:38:35 +07'00'

DRAGON CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

To: Vietnam Exchange, Hanoi Stock Exchange, HoChiMinh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository And Clearing Corporation, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: CTCP QLQ đầu tư Dragon Capital Việt Nam/ Dragon Capital VietFund Management

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Standard Chartered/Standard Chartered Bank

- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP/DCVFMVNMIDCAP ETF

- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUEDCMID

- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC

- Điện thoại/Tel: +84-8 3 8251488 Fax: +84-8 38251489

Chúng tôi thông báo DMCKCC để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **28/10/2026**

- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT Order	Mã chứng khoán Securities Symbol	Số lượng (CP) / Giá trị (VND) Volume/ Amount	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	**Chứng khoán/ Stock**	**1,133,273,000**	**98.64%**
1	BAF	500	1.30%
2	BMP	100	1.20%
3	BVH	100	0.59%
4	CII	1,200	1.45%
5	CTD	100	0.59%
6	CTR	100	0.59%
7	DBC	600	0.84%
8	DCM	200	0.60%
9	DGW	200	0.79%
10	DIG	1,500	1.28%
11	DPM	500	0.93%
12	DSE	300	0.52%
13	DXG	1,900	1.65%
14	EIB	2,800	4.12%
15	EVF	1,300	1.33%
16	FRT	200	2.59%
17	FTS	300	0.50%
18	GEE	200	1.22%
19	GEX	1,700	3.38%
20	GMD	1,200	5.59%
21	HAG	1,200	1.51%
22	HCM	1,400	2.92%
23	HDG	500	0.65%
24	HHV	900	0.75%
25	HSG	1,100	1.06%
26	KBC	1,100	2.58%
27	KDC	200	0.88%
28	KDH	1,500	1.92%
29	MSB	4,900	6.72%
30	NAB	3,100	3.43%
31	NKG	700	0.73%
32	NLG	700	1.39%
33	NVL	2,500	2.30%
34	OCB	1,700	1.61%
35	PAN	200	0.32%
36	PC1	500	0.83%
37	PDR	1,100	1.11%
38	PHR	200	0.56%
39	PLX	200	0.61%
40	PNJ	900	1.34%
41	POW	1,100	1.19%
42	PVD	900	1.45%
43	PVT	500	1.01%
44	REE	400	1.59%
45	SBT	1,000	1.81%
46	SIP	200	0.87%
47	SJS	400	1.90%

48	TAL	300	0.56%
49	TCH	1,100	1.16%
50	TPB	3,200	3.54%
51	VCG	700	0.93%
52	VCI	1,600	2.67%
53	VCK	1,100	2.64%
54	VHC	200	0.89%
55	VIX	4,800	5.14%
56	VND	2,100	2.44%
57	VPI	300	1.48%
58	VPX	700	1.42%
59	VSC	700	0.87%
60	VTP	200	0.82%
II.	**Tiền/ Cash (VND)**	**15,604,103**	**1.36%**
III.	**Tổng / Total (=I+II)**	**1,148,877,103**	**100%**

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between the value of basket and the value per lot of ETF:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,133,273,000

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,148,877,103

+ Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 15,604,103

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu trong danh mục được thay thế bằng tiền (nếu có)
In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	**Tiền thay thế 1 chứng khoán cơ cấu đối với lệnh mua CCQ (VND)***	**Đối tượng áp dụng**	**Lý do**
Securities symbol	**Cash amount for 1 share in a creation order (VND)***	**Applied investors**	**State the reason**
BVH	74,580	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a TT121/2020/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
HCM	26,345	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	20,075	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	21,065	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PHR	35,530	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	50,105	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit

* Đối với lệnh hoán đổi bán (redemption) sẽ tuỳ thuộc vào giá CTQLQ bán ra thực tế trên thị trường
For redemption orders, the cash amount will depend on the market price at which FMC sells the securities on the exchange.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall take corporate action (if any):
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ
Người uỷ quyền công bố thông tin
Fund management company representative
Authorised Representative to disclose information

Lê Hoàng Anh
Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư
Ngày ký: 27/10/2026